

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/11/2018.

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh

Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Mích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kim A, sinh năm: 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ X, thôn Y, xã T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: Tổ X, khu phố K, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ X, thôn Y, xã T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Kim A có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con và còn đánh đập chị. Tháng 01/2018 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng muốn tạo cho anh Q một cơ hội nên chị rút đơn xin ly hôn, nhưng từ đó đến nay anh Q vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân nhau và chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2010, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Kim A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không có công việc ổn định dẫn đến việc anh buồn chán nhậu nhẹt, to tiếng với chị Kim A và bỏ đi làm ăn xa. Nay chị Kim A làm đơn xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Kim A nên anh mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung. Về con chung, anh xác định có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2010, nếu Tòa giải quyết cho chị Kim A ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh và chị Kim A sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q; về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm,

đương sự có mặt tại phiên toà đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị Kim A, xử cho chị Kim A được ly hôn với anh Q và giao con chung là Nguyễn Hoàng Gia H cho chị Kim A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Kim A và anh Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tình cảm, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, chị Kim A xác định không còn tình cảm với anh Q và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim A và anh Q đã trầm trọng do vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh Q thường xuyên uống rượu dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc. Mặc dù anh Q mong muốn được đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân anh Q cũng không thật sự cố gắng trong việc tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kim A, xử cho chị Kim A và anh Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Kim A và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2010, khi ly hôn chị Kim A có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu H đang được chị Kim A chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn anh Q cũng đồng ý giao con cho chị Kim A nuôi dưỡng và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là

Nguyễn Hoàng Gia H cho chị Kim A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Kim A không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 ; Điều 266; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị Kim A, xử cho chị Hoàng Thị Kim A và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2010 cho chị Hoàng Thị Kim A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008099 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị Kim A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc